

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/DS-PT  
Ngày: 11-01-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Văn Uẩn.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Quốc Khánh;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 401/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 425/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1974. Địa chỉ thường trú: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

**Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Kim S, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/2022).

**2. Bị đơn:**

2.1. Ông Hồ Thanh H, sinh năm 1979.

2.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số 38, Ấp 5, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

*Người đại diện hợp pháp cho ông H:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ liên lạc: Phòng 2.3, Tầng 2, tòa nhà Indochina, Số 4, Đường N, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2022).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Hồ Thanh H.

(Bà S, ông T có mặt, bà L vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim S trình bày:* Vào ngày 08/02/2021, ông H có vay của bà T số tiền 400.000.000đ, lãi suất thỏa thuận miệng là 3.000đ/1.000.000đ/1ngày, thời hạn trả tiền là 02 ngày, mục đích ông H vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, bà T trực tiếp giao tiền cho ông H. Khi vay tiền có lập giấy tay đề ngày 08/2/2021, nội dung do ông H ghi, tại mục người mượn do ông H ký tên và ghi họ tên. Từ khi vay đến nay ông H không trả tiền gốc vay và bất kỳ khoản tiền lãi nào cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông Hồ Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền gốc vay 400.000.000đ với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 08/02/2021 đến nộp đơn khởi kiện ngày 15/7/2022 tạm tính là 79.680.000 đồng. Do thời điểm mượn tiền thì ông H với bà L là vợ chồng hợp pháp nên bà L phải có nghĩa vụ liên đới với ông H trả nợ cho bà T. Yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

*Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Thanh H là ông Nguyễn Văn T trình bày:* Vào ngày 08/02/2021 ông H có vay của bà T số tiền 400.000.000đ, ông H đã nhận đủ tiền vay, thời hạn trả tiền là 02 ngày, mục đích ông H vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3.000đ/1.000.000đ/1ngày, khi vay tiền có lập giấy tay vay tiền ngày 8/2/2021, nội dung do ông H ghi, tại mục người mượn do ông H ký tên và ghi họ tên. Hai ngày sau khi vay ông H đã trả đủ số tiền gốc vay 400.000.000đ, và 2.400.000đ tiền lãi cho bà T, bà T là người trực tiếp nhận tiền từ ông H, khi trả tiền thì không lập biên nhận hay giấy tờ nào khác vì do tin tưởng bà T. Ông H có hỏi bà T giấy nợ đâu thì bà T trả lời tao xé bỏ rồi. Ông H xác định chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền phía bà T cung cấp là của ông H nên không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký. Bà L là vợ ông H không biết việc ông H vay tiền của bà T, tiền không phục vụ cho gia đình, thời điểm này ông H và bà L còn tồn tại hôn nhân hợp pháp, ông H là người trực tiếp vay tiền của bà T và nhận tiền từ bà T không liên quan đến bà L, hơn nữa ông H đã trả đủ tiền vay của khoản vay này cho bà T nên không còn nợ tiền bà T. Ông còn nợ tiền bà T nhưng của khoản vay khác không liên quan đến khoản vay này, ông sẽ cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho Tòa án. Do đó, ông H bà L không đồng ý liên đới trả cho bà T tiền gốc vay 400.000.000đ và tiền lãi 79.680.000 đồng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:* Bà L là vợ chồng hợp pháp với ông H, bà L không biết ông H vay số tiền

400.000.000đ của bà T, bà không nhận tiền của bà T, bà thống nhất với lời trình bày của ông H không đồng ý liên đới với ông H trả tiền gốc vay và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS-ST ngày 07/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Hồ Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Hồ Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T tổng số tiền 514.429.000 đồng, trong đó 400.000.000 đồng tiền gốc và 114.429.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, thì ông Hồ Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 16/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện thủ Thừa về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L phải liên đới chịu 24.577.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí. Hoàn trả 10.000.000 đồng và 2.656.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thanh T theo biên lai thu số 0002557 ngày 13/7/2022 và 0002568 ngày 18/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 19/9/2022, bị đơn ông Hồ Thanh H kháng cáo, không đồng ý Bản án sơ thẩm, yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

*Đại diện nguyên đơn bà Phạm Thị Kim S trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp

tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 16/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

*Đại diện bị đơn ông Hồ Thanh H là ông Nguyễn Văn T trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không đồng ý để bà Nguyễn Thị Mỹ L liên đới trả nợ. Đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 16/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về thủ tục: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng qui định về thủ tục tố tụng. Kháng cáo của ông Hồ Thanh H trong hạn luật định, đúng thủ tục, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Ông H thừa nhận có vay của bà T như bà T trình bày, nhưng cho rằng đã trả nợ cho bà T xong, nhưng không có chứng cứ đã trả cho bà T. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Thanh H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hồ Thanh H được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bà Nguyễn Thị Mỹ L không có kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T: Bà T khởi kiện yêu cầu ông Hồ Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền gốc vay là 400.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền gốc vay 400.000.000đ với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 08/02/2021 đến ngày nộp đơn khởi kiện 15/7/2022 tạm tính là 79.680.000 đồng. Yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

[4] Bản án sơ thẩm tuyên xử buộc ông Hồ Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L liên đới trả toàn bộ số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và lãi phát sinh. Ông H kháng cáo, bà L không có kháng cáo.

[5] Về yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Thanh H: Ông H thừa nhận ngày 08/02/2021 có vay của bà T số tiền 400.000.000đ và đã nhận đủ tiền vay, nhưng ông H cho rằng đã trả tiền gốc và lãi cho bà T xong vào 2 ngày sau ngày vay nên không đồng ý trả nợ tiếp theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Đồng thời, đây là số

tiền vay riêng của cá nhân, bà Nguyễn Thị Mỹ L không có vay nên không đồng ý để bà L liên đới cùng ông trả số nợ trên.

[6] Xét hợp đồng vay tiền ngày 08/02/2021 thể hiện nội dung: Ông Hồ Thanh H thừa nhận ngày 08/02/2021 có vay bà T số tiền 400.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 08/02/2021 để đáo hạn ngân hàng. Tuy nhiên hết hạn 02 ngày ông đã trả cho bà T 400.000.000đ và 2.400.000đ tiền lãi. Ông H cho rằng đã trả tiền cho bà T xong nhưng không được bà T thừa nhận. Ông H cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả tiền và trả lãi cho bà T nên lời trình bày của ông H là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T và yêu cầu ông H trả nợ gốc 400.000.000đ là có cơ sở. Ông H kháng cáo cho rằng đã trả tiền xong cho bà T, nhưng cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả tiền gốc và lãi cho bà T nên lời trình bày của ông H là không có cơ sở chấp nhận. Cần bác yêu cầu kháng cáo của ông H.

[7] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Xét thấy khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại. Tại phiên tòa, người đại diện ông H cho rằng ông H vay tiền để đáo hạn ngân hàng và phục vụ cho việc kinh doanh vận tải để phát triển kinh tế gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L liên đới cùng với ông H trả nợ cho bà T là có cơ sở. Về trách nhiệm liên đới, bà L cũng không kháng cáo, do đó, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, buộc ông H và bà L cùng liên đới trả nợ cho bà T.

[8] Về Quyết định áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tại cấp phúc thẩm, bà Phạm Thị Kim S đại diện cho bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 16/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”. Xét yêu cầu của bà S phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Ông T, đại diện ông H yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên, nhưng không được phía bà L đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Thanh H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Hồ Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Hồ Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T tổng số tiền 514.429.000 đồng, trong đó 400.000.000 đồng tiền gốc và 114.429.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, thì ông Hồ Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 16/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L phải liên đới chịu 24.577.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí. Hoàn trả 10.000.000 đồng và 2.656.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thanh T theo biên lai thu số 0002557 ngày 13/7/2022 và 0002568 ngày 18/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002629 ngày 19/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Ông Hồ Thanh H đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Văn Uẩn**